

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thị Amina;
2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp SB, xã TP, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Long P**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Long P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Long P.

Về nuôi con chung: Chị và anh Phi có 01 con chung Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 31/7/2015, hiện tại con chung đang sống cùng với anh P, sau khi ly hôn chị giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Long P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị D yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về nuôi con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 31/7/2015, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn, anh Nguyễn Long P là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dung, anh Phi là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Long P là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 31/7/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn, anh Nguyễn Long P là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị D, anh P chung sống với nhau vào từ năm 2012 không có đăng ký kết hôn. Xét việc sống chung với nhau như vợ chồng của chị D, anh P không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Long P là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 31/7/2015. Anh P, chị D thống nhất để con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Nên để anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Long P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 31/7/2015 cho anh Nguyễn Long P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị D và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng chí D đã nộp tại biên lai thu số 0015347 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Long P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan